|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**TRƯỜNG TH&THCS** **VĨNH BÌNH BẮC** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do- Hạnh phúc** |
| Số: 17/KH-TH&THCS |  *Vĩnh Bình Bắc, ngày 02 tháng 10 năm 2022* |
| **KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG****Năm học 2022-2023** |

### *Căn cứ Quyết định số 1985/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc Ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2022-2023 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Kiên Giang;*

### *Thực hiện Nghị quyết số 51/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông;*

*Căn cứ công văn 2527/SGDĐT-GDTrH&GDTX ngày 29/8/2022 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2022-2023.*

*Căn cứ công văn  số 245/PGDĐT-THCS ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo, về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục THCS năm học 2022-2023;*

*Trên cơ sở điều kiện thực tế của đơn vị, Trường TH&THCS Vĩnh Bình Bắc xây dựng kế hoạch giáo dục THCS năm học 2022-2023 như sau:*

**I. Bối cảnh giáo dục quốc gia, địa phương và nhà trường**

**1. Bối cảnh bên ngoài**

**1.1. Thời cơ**

Chính quyền địa phương luôn quan tâm, hỗ trợ nhà trường trong các hoạt động giáo dục. Trình độ dân trí trong địa bàn từng bước được nâng lên. Từ nhiều năm nay, nhà trường luôn được sự đồng thuận của cha mẹ học sinh về công tác dạy và học. Việc huy động học sinh ra lớp hàng năm luôn đạt 98% trở lên.

Vào đầu năm học trường luôn nhận được các văn bản chỉ đạo về hướng dẫn thời gian, nhiệm vụ năm học của cấp trên để định hướng các hoạt động của nhà trường. Cán bộ quản lý và giáo viên trong đơn vị được tập huấn chương trình giáo dục phổ thông mới với nhiều hình thức phù hợp.

Cùng với sự phát triển của nền công nghệ 4.0 nên công tác vận dụng công nghệ thông tin vào hoạt động dạy và học đạt hiệu quả cao hơn. Việc ứng dụng các phần mềm vào trong quản trị nhà trường và giảng dạy của giáo viên được thực hiện thường xuyên. Từ đó, tạo điều kiện tốt cho việc thông tin liên lạc giữa cán bộ quản lý, nhân viên, giáo viên và giữa nhà trường và cha mẹ học sinh.

**1.2. Thách thức**

Một bộ phân cha mẹ học sinh còn thiếu quan tâm đến con em (khoảng 20%); phó mặc cho nhà trường; xem trách nhiệm giáo dục là của nhà trường, vì vậy việc quan tâm cho con em như: mua sắm quần áo, sách, vở và dụng cụ học tập cũng phần nào chưa đáp ứng kịp thời.

**2. Bối cảnh bên trong nhà trường**

**2.1. Điểm mạnh của nhà trường**

**- Về đội ngũ và cơ sở vật chất**

Khối THCS đảm bảo về đội ngũ cán bộ, giáo viên; cơ cấu lớp học, học sinh/trên lớp và đầy đủ cơ sở vật chất cho công tác giảng dạy cụ thể:Tổng số cán bộ, GV: 22 đ/c trong đó: Cán bộ quản lý 02 đ/c; Giáo viên giảng dạy 20 đ/c (10 lớp/20 GV, bình quân học sinh mỗi lớp là 25,1 em). Trường có Chi bộ đảng độc lập; Tổng số Đảng viên của khối trong chi bộ 20 đ/c; Chính thức: 20 tỷ lệ 100%. Phân công đầy đủ giáo viên dạy các môn như: Âm nhạc, Mỹ thuật.

Khuôn viên nhà trường rộng - xanh - sạch - đẹp; cơ sở vất chất 100% kiên cố và bán kiên cố, đủ phòng học; trang thiết bị đáp ứng yêu cầu phục vụ cho dạy và học. Tổng số phòng hiện có là 18 phòng (các phòng đều xây bán kiên cố); 07 phòng học 48 m2/phòng; 2 phòng học 36m2/phòng; 01 phòng phục vụ dạy học tin học với 25 máy đang hoạt động, 01 phòng thư viện 48m2/phòng; 01 phòng thiết bị: 18m2/phòng); 01 phòng đoàn đội 48m2; 01 phòng văn thư 18m2/phòng; 01 phòng y tế 16m2; 01 phòng hội đồng 64m2/phòng; 02 phòng BGH cho hiệu trưởng và phó hiệu trưởng 18m2/phòng.

Nhà trường luôn được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Lãnh đạo Phòng GD&ĐT Vĩnh Thuận; của các cấp ủy Đảng - chính quyền địa phương trong việc quán triệt và cụ thể hóa các chủ trương, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, chính quyền các cấp trong việc đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị giảng dạy.

 Cơ sở vật chất của nhà trường tương đối khang trang và được sự quan tâm về công tác xã hội hóa giáo dục trong việc xây dựng môi trường Xanh-sạch-đẹp và an toàn, nhằm đảm bảo tốt cho việc giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh.

***- Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ:***

 Khối THCS hiện có 20 giáo viên, đạt chuẩn 20/20 tỷ lệ 100%

- 100% giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông ở mức từ khá trở lên. Giáo viên dạy giỏi cấp trường hàng năm đạt trên 80%, Trong những năm qua trường có giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp huyện, cấp tỉnh.

***- Về học sinh:***

Toàn trường có 10 lớp với 250 học sinh, được chia ra các khối như sau: Khối 6 có 4 lớp/99 HS, khối 7 có 2 lớp/47 HS, khối 8 có 2 lớp/47 HS, khối 9 có 2 lớp /58 HS. Tỉ lệ học sinh bình quân 25,1 học sinh/lớp. Đa phần các em chăm chỉ học tập và tham gia tích cực các phong trào.

Nhà trường có dạy môn học tự chọn là môn Tin học được dạy ở các lớp 8,9.

***2.2. Điểm yếu, hạn chế.***

- Một số giáo viên chưa nắm vững lý luận dạy học đáp ứng năng lực, phẩm chất người học, kỹ năng sử dụng CNTT còn hạn chế.

- Trường còn thiếu 1 số phòng học, bàn học sinh đạt chuẩn, thiếu phòng bộ môn riêng.

- Do thừa thiếu cục bộ, giáo viên chuyển trường trong năm nên việc phân công giáo viên kiêm nhiệm thay đổi thường xuyên.

- Do còn điểm lẻ Xẻo Gia,cách điểm tập trung 7 km nên giáo viên phải di chuyển liên tục để dạy,điều kiện dạy và học điểm Xẻo Gia còn thiếu thốn nhiều.

**II. Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường**

**1. Định hướng thực hiện chương trình dạy học**

**Khối lớp 6 (4 lớp), lớp 7 (2 lớp):** Thực hiện CT GDPT năm 2018 (Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018), không thực hiện dạy học môn tự chọn. Tổ chức dạy học 6 buổi/tuần vào buổi sáng.

**Khối lớp 7, 8, 9:**Thực hiện CT GDPT hiện hành (Thông tư số 16/2006/TT-BGDĐT ngày 05/5/2006). Tổ chức dạy học 6 buổi/tuần vào buổi sáng đối với khối 7;9.

Khối 7; 9 học buổi sáng, khối 6;8 học buổi chiều. Các môn Thể dục, Tin học, nghề phổ thông khối 8;9 học chéo buổi.

**2. Định hướng tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp**

- Mỗi tuần thực hiện 01 tiết chào cờ và 01 tiết sinh hoạt lớp vào sáng thứ Hai, thứ bảy, tổng cộng 70 tiết; 35 tiết còn lại nhà trường tổ chức dạy học trải nghiệm theo một số chủ đề:

**Tháng 10:**Chủ đề “An toàn giao thông và phòng chống ma túy học đường. Hình thức tổ chức: đố vui dưới cờ tuyên truyền Luật Giao thông đường bộ.

**Tháng 11:** Chủ đề “Tôn sư trọng đạo”. Hình thức tổ chức: Múa hát chúc mừng thầy cô.

**Tháng 12:** Chủ đề “Uống nước nhớ nguồn”. Hình thức tổ chức: Học sinh viếng nghĩa trang liệt sĩ, nghe Hội cựu chiến binh xã nói chuyện truyền thống quân đội NDVN.

**Tháng 01/2021:** Chủ đề “Ngày hội bánh chưng xanh”. Hình thức tổ chức: Học sinh trải nghiệm cách gói bánh chưng (nếu không tổ chức thực tế thì xem video về gói bánh chưng đón tết). Nghe nói chuyện về sự tích bánh dày bánh chưng.

**Tháng 4:** Chủ đề “Ngày hội đọc sách”. Hình thức tổ chức: Thi kể chuyện theo sách.

**Tháng 5:** tổ chức 01 buổi sinh hoạt hướng nghiệp phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS.

Các chủ đề còn lại thực hiện trong lớp (3 chủ đề).

- Tổ chức dạy học tích hợp: Đầu năm học nhà trường chỉ đạo các tổ nhóm chuyên môn xây dựng các chủ đề dạy tích hợp, chỉ đạo việc dạy học phân hóa phù hợp với đối tượng học sinh.

**3. Định hướng thực hiện nội dung giáo dục địa phương cho học sinh khối 6**

Tổ chức dạy học chương trình giáo dục địa phương 1 tiết/tuần.

Hình thức tổ chức dạy học: Dạy học trên lớp, dạy học trải nghiệm.

Nội dung: Dạy những vấn đề cơ bản về văn hóa, lịch sử, địa lý, kinh tế, xã hội, môi trường của địa phương.

Tài liệu dạy học: Sử dụng tài liệu của tỉnh Kiên Giang biên soạn.

**III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG**

**1. Mục tiêu chung**

Sau khi học xong cấp THCS học sinh có đủ phẩm chất và năng lực quy định tại chương trình giáo dục bậc học, học sinh biết điểu chỉnh bản thân theo các chuẩn mực chung của xã hội, biết vận dụng phương pháp học tập tích cực để hoàn thiện tri thức và kỷ năng nền tảng của bản thân, có hiểu biết ban đầu về các ngành nghề và có ý thức hướng nghiệp để tiếp tục học lên trung học phổ thông, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động.

Đến năm 2025 trường TH&THCS Vĩnh Bình Bắc đạt chuẩn kiểm định chất lượng ở mức 1, đạt trường chuẩn quốc gia mức độ 1, xây dựng môi trường giáo dục chuyên nghiệp, chất lượng, cảnh quang trường học xanh-sạch-đẹp.

**2. Mục tiêu cụ thể**

***2.1. Huy động học sinh:***

- Huy động học sinh hoàn thành chương trình tiểu học trong địa bàn quản lý vào lớp 6: 100% trở lên.

- Học sinh bỏ học giữa chừng, lưu ban không quá: 2%.

- Tổng số lớp: 10 lớp/250 học sinh

 ***2.2. Chỉ tiêu về chất lượng 02 mặt giáo dục***

 *a/ Hạnh kiểm:*

**- Đối với học sinh lớp 6,7 thực hiện CT GDPT 2018:**

 Phẩm chất: Tốt: 69,4%; Khá: 21,8%; Đạt: 8,8%.

 - **Khối 8:** Hạnh Kiểm: Tốt: 93,6%; Khá: 6,4%

 - **Khối 9**: Hạnh Kiểm: Tốt: 94,6%; Khá 5,4%

 **- Toàn trường:**Hạnh Kiểm: Tốt: 82,9%; Khá:13,2%; TB: 3,9%

*b/ Học lực:*

**\* THCS:**

- Đối với học sinh lớp 6,7: Năng lực

Tốt: 18,6%; Khá 47%; Đạt 19/51 = 34,4%; Chưa đạt: 0

- Đối với khối 8: Học lực: Giỏi: 32,3%; Khá: 43,6%, TB: 24,2%

- Đối với khối 9: Học lực: Giỏi: 16,4%; Khá: 50,9%, TB: 32,7%;

**- Toàn trường:**Học lực: Giỏi: 21,9%; Khá: 46,9%, TB: 31,1%

 **3. Các chỉ tiêu**

**3.1 Học sinh tham gia hội thi các cấp:**

 - HSG khối 8;9 đạt cấp trường khối THCS: 08 em trở lên; HSG đạt cấp huyện: 03 em.

 - Học sinh đạt giải toán bằng tiếng Việt trên Internet cấp huyện: 01 em.

 - Học sinh đạt giải toán bằng tiếng Anh trên Internet cấp huyện: Có tham gia.

 - Học sinh đạt giải tiếng Anh trên Internet cấp huyện: 01 em.

 - Học sinh đạt giải tiếng Anh trên Internet cấp tỉnh: Có tham gia.

- Cuộc thi “Khoa học - Kỹ thuật” của học sinh THCS đạt cấp huyện: 01 sản phẩm trở lên (nếu có)

- Hội thi “Tìm hiểu về Biển, Đảo” cấp huyện: 01 giải (nếu có)

- Hội thi về “Tìm hiểu Luật giao thông” cấp huyện: 01 giải (nếu có)

**3.2 Chỉ tiêu lên lớp, tốt nghiệp**

 - Lên lớp thẳng: 98% trở lên.

 - Lên lớp sau khi rèn luyện trong hè: 100% .

- Công nhận tốt nghiệp THCS: 100%.

 **3.3 Chỉ tiêu chất lượng cán bộ giáo viên**

**Xếp loại CMNV giáo viên**:

Tốt: 16/20 tỉ lệ 80%; Khá 4/20 tỉ lệ 20%

**Chuẩn nghề nghiệp giáo viên**

 - Giáo viên xếp loại Tốt: 18/20 tỉ lệ 90%; Khá: 2/20 tỉ lệ 10%

**Giáo viên dạy giỏi các cấp**

 - Giáo viên dạy giỏi cấp trường: 16/20 tỉ lệ 80%.

 - Giáo viên dạy giỏi cấp huyện: 6/20 tỉ lệ 30%

**Giáo viên chủ nhiệm giỏi các cấp:**

 GVCN giỏi cấp Tỉnh: 1/20 tỉ lệ 5% (nếu có tổ chức)

**Xếp loại viên chức:** Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 8/20 tỉ lệ 40% ; Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 12/20 tỉ lệ 60%.

**3.4. Chỉ tiêu phấn đấu các danh hiệu thi đua**

+ Đạt lao động tiên tiến 19/20 GV tỉ lệ 95%.

+ Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở: tỷ lệ 2/20 tỉ lệ 10%.

+ Đoàn viên Công đoàn xuất sắc: 19/20 tỉ lệ 95%.

+ Đạt danh hiệu phụ nữ hai giỏi: 4/4 tỷ lệ 100%.

**IV. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG**

**1. Hoạt động chính khóa**

**1.1. Đối với khối lớp 6,7**

**Học kỳ I**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  **MÔN/TUẦN** | **Tuần 1** | **Tuần 2** | **Tuần 3** | **Tuần 4** | **Tuần 5** | **Tuần 6** | **Tuần 7** | **Tuần 8** | **Tuần 9** | **Tuần 10** | **Tuần 11** | **Tuần 12** | **Tuần 13** | **Tuần 14** | **Tuần 15** | **Tuần 16** | **Tuần 17** | **Tuần 18** | **Tổngthời lượng/môn** |
| **Ngữ văn** | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | **72** |
| **Toán** | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | **72** |
| **Tiếng Anh** | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | **54** |
| **GDCD** | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| **Lịch sửvà địa lý** | **Lịch sử** | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| **Địa lý** | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| **Khoa học tự nhiên** | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | **72** |
| **Công nghệ** | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| **Tin học** | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| **GDTC** | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| **Nghệthuật** | **Âmnhạc** | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| **Mĩthuật** | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| **HĐTNHN** | **SHDC+SHL** | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| **TN** | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **28** |
| **GDĐP** | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| **Tổng số tiếtbắt buộc/tuần** | **29** | **36** | **29** | **29** | **29** | **29** | **29** | **29** | **29** | **36** | **29** | **29** | **29** | **36** | **29** | **29** | **29** | **36** | **550** |

  **Học kỳ II**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **MÔN/TUẦN** | **Tuần 19** | **Tuần 20** | **Tuần 21** | **Tuần 22** | **Tuần 23** | **Tuần 24** | **Tuần 25** | **Tuần 26** | **Tuần 27** | **Tuần 28** | **Tuần 29** | **Tuần 30** | **Tuần 31** | **Tuần 32** | **Tuần 33** | **Tuần 34** | **Tuần 35** | **Tổngthời lượng/môn** |
| **Ngữ văn** | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | **68** |
| **Toán** | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | **68** |
| **Tiếng Anh** | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | **51** |
| **GDCD** | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **17** |
| **Lịch sửvà địa lý** | **Lịch sử** | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **17** |
| **Địa lý** | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **34** |
| **Khoa học tự nhiên** | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | **68** |
| **Công nghệ** | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **17** |
| **Tin học** | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **17** |
| **GDTC** | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **34** |
| **Nghệthuật** | **Âmnhạc** | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 34 |
| **Mĩthuật** | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **17** |
| **HĐTNHN** | **CC+SHL** | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **34** |
| **TN** | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **14** |
| **GDĐP** | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **17** |
| **Tổng số tiếtbắt buộc/tuần** | **29** | **29** | **29** | **29** | **29** | **29** | **29** | **29** | **29** | **29** | **29** | **29** | 36 | **29** | **29** | **29** | 36 | 507 |

**1.2 Đối với khối 7, 8, 9**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Môn** |  |  |
| **Số tiết thực hiện các môn của các khối lớp** |
| **Lớp 8** | **Lớp 9** | **Ghi chú** |
| 1 | Toán | 140 | 140 |   |
| 2 | Ngữ văn | 140 | 175 |   |
| 3 | Vật lí | 35 | 70 |   |
| 4 | Hóa học | 70 | 70 |   |
| 5 | Sinh học | 70 | 70 |   |
| 6 | Lịch Sử | 53 | 53 |   |
| 7 | Địa lí | 53 | 53 |   |
| 8 | Tiếng Anh | 140 | 105 |   |
| 9 | Công nghệ | 53 | 35 |   |
| 10 | Tin học | 70 | 70 |   |
| 11 | GDCD | 35 | 35 |   |
| 12 | Thể dục | 70 | 70 |   |
| 13 | Mĩ thuật | 35 | 18 | Dạy ở HK1 lớp 9 |
| 14 | Âm nhạc | 35 | 18 | Dạy ở HK 2 lớp 9 |

**2. Hoạt động trải nghiệm**

**2.1. Đối với lớp 6,7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian****(tháng)** | **Chủ điểm** | **Nội dung trọng tâm** | **Hình thức tổ chức** | **Thời gian thực hiện (ngày)** | **Người thực hiện** | **Lực lượng cùng tham gia** | **Số tiết thực hiện** |
| 10 | ATGT và phòng chống ma túy học đường | Tuyên truyền việc chấp hành đúng Luật GTĐB, cảnh giác đề phòng ma túy | Thi trả lời câu hỏi về giao thông, ma túy | Tuần 2 tháng 10 | BGH, TPT | GVCN lớp 6, GV GDCD | 7 |
| **11** | Trường em sạch đẹp, an toàn | Vệ sinh trường lớp, trồng chăm sóc bồn hoa cây cảnh | Thu gom rác thải nhựa và tận dụng thành vật dụng;  trồng hoa và chăm sóc | Tuần 3 tháng 11 | BGH, TPT, GVCN | GV Sinh học, GV Hóa học | 7 |
| **12** | Uống nước nhớ nguồn | Lao động dọn vệ sinh NTLS và viếng NTLS, nghe nói chuyện về truyền thống QĐNDVN | Tập trung học sinh khối 6 | Tuần 4 tháng 12 | TPT, mời CT hội CCB xã | BGH, Đoàn TN, GVCN, HS | 7 |
| **4** | Ngày hội đọc sách | Thi kể chuyện theo sách | Tổ chức thi giữa các lớp | Tuần 3 tháng 4 | NV thư viện | GV toàn trường | 7 |
| **5** | Nghề đan giỏ Lục bình | Học sinh trải nghiệm cách đan giỏ Lục bình | HS tham quan, trải nghiệm công việc đan giỏ Lục bình | Tuần 1 tháng 5 | GVCN | GV công nghệ | 7 |
| **Tổng số tiết** | **35** |

**2.2. Đối với khối lớp 8, 9**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **Chủ điểm** | **Nội dung trong tâm** | **Hình thức tổ chức** | **Thời gian thực hiện** | **Người thực hiện** | **Lực lượng phối hợp** |
| Tháng 11 | Tôn sư trọng đạo | Thi viết báo tường | Toàn trườngMỗi lớp1 tờ | 1 tuần trước 20/11 | BGH, TPT, GVCN | Các đoàn thể, giáo viên, nhân viên |
| Tháng 12 | Uống nước nhớ nguồn | Viếng nghĩa trang liệt sĩ, nói chuyện truyền thống ngày quốc phòng toàn dân | Toàn trường | Sáng 22/12 | Mời   Cựu chiến binh tiêu biểu của xã | BGH, Đoàn TN, GVCN, GV toàn trường |
| Tháng 3 | Tiến bước lên Đoàn | Tổ chức Các trò chơi dân gian, Thi đá bóng các lớp | Toàn trường | ngày 26/3 | Bí thư Đoàn TN, TPT | BGH, GVCN, GV, NV toàn trường |
| Tháng 4 | Hòa bình hữu nghị | Tổ chức ngày hội đọc sách, Tổ chức cuộc thi tìm hiểu chiến thắng 30/4 lịch sử | Toàn trường | Sáng 01/4 | TPT | BGH, GVCN, GV toàn trường |

**3. Các hoạt động giáo dục**

**3.1. Bồi dưỡng học sinh giỏi**

Đầu năm nhà trường phân công giáo viên tuyển chọn học sinh giỏi các khối lớp 6, 7, 8, 9 để bồi dưỡng. Trên cơ sở đó thành lập đội tuyển tổ chức bồi dưỡng tham gia dự thi cấp huyện.

Khối lớp 6, 7 ở ba bộ môn Toán, Lý, Tiếng Anh qua mạng; khối lớp 8 ở 9 bộ môn: Ngữ văn, Vật lý, Lịch sử, Địa lý, Toán; Riêng khối lớp 9 trên cơ sở kết quả thi học sinh giỏi cấp huyện và được chọn vào đội tuyển của Phòng GDĐT, nhà trường thành lập đội tuyển, phân công giáo viên có năng lực, kinh nghiệm phụ trách công tác bồi dưỡng.

**3.2. Phụ đạo học sinh yếu kém**

- Yêu cầu giáo viên lập danh sách đối với môn học mình phụ trách nộp về Phó hiệu trưởng, đăng ký phụ đạo theo danh sách cho đến khi hết yếu, kém.

- Hình thức: phụ đạo ngay trong giờ dạy.

**4. Hoạt động ngoại khóa**

- Tổ chức tìm hiểu về các ngày truyền thống của nhà trường, các ngày lễ dành cho thầy cố, cha mẹ.

- Các chương trình trải nghiệm, nói chuyện chuyên đề, giáo lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao.

- Tổ chức cho học sinh tham gia trải nghiệm thực tế tại nơi có ý nghĩa như nhà Khu di tích Xẻo Gia, giao lưu với đơn vị trường khác…

- Cho học sinh trải nghiệm về vệ sinh môi trường, sử dụng nhà vệ sinh đúng cách.

**5. Câu lạc bộ**

**5.1. Câu lạc bộ Tiếng Anh.**

- Mỗi tháng tổ chức cho học sinh sinh hoạt 01 lần.

- Nội dung, hình thức do nhóm bộ môn Tiếng Anh tham mưu.

**5.2. Câu lạc bộ thể thao.**

- Tổ chức câu lạc bộ bóng đá, Cờ vua, Cầu lông,....

+ Hình thức tổ chức: Học sinh tự luyện tập trong thời gian rãnh.

+ Tổ chức đá giao hữu giữa các lớp.

+ Tổ chức giải bóng đá học sinh vào tháng 3 (nếu có)

**V. KẾ HOẠCH TỔNG HỢP CỦA NĂM HỌC 2021-2022**

**1. Khung kế hoạch thời gian năm học.**

- Ngày tựu trường: 28/8/2022.

- Ngày khai giảng: 05/9/2022.

- Học kỳ 1: Từ 06/9/2022 đến 07/1/2023.

   Kiểm tra giữa kỳ 1: từ 31/10/2022 đến 05/11/2022.

   Kiểm tra cuối kỳ 1: từ 29/12/2022 đến 04/1/2023.

- Học kỳ 2: Từ 09/1/2023 đến 20/5/2023.

   Nghỉ tết Âm lịch: theo thông báo của UBND Tỉnh

   Kiểm tra giữa kỳ 2: từ 14/3/2023 đến 18/3/2023

   Kiểm tra cuối kỳ 2: từ 11/5/2022 đến 17/5/2023

   Xét tốt nghiệp THCS trước ngày 31/5/2023

- Kế thúc năm học trước ngày 31/5/2022

**2. Lịch công tác chuyên môn**

|  |  |
| --- | --- |
|  **Thời gian** | **Nội dung công tác** |
| **8/2022** | - Tham dự các lớp bồi dưỡng chuyên môn do SGD, PGD tổ chức- Ổn định nhân sự, phân công chuyên môn chuẩn bị năm học- Chuẩn bị CSVC, phân công công việc cho ngày khai giảng |
| **9/2022** | - Khai giảng năm học mới.- Thảo luận phương hướng, nhiệm vụ năm học của Sở, Phòng, Trường.- Xây dựng các kế hoạch thực hiện phương hướng, nhiệm vụ năm học.- Duyệt kế hoạch giáo dục cá nhân, tổ CM- Tham gia họp tổng kết bộ môn.- Lập kế hoạch thi đua các phong trào THTT, THAT |
| **10/2022** | - Triển khai kế hoạch bồi dưỡng HSG 6,7, 8, 9 phụ dạo HS yếu kém.- Đổi mới sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học- Chuẩn bị cho việc dự thi KHKT cấp huyện- Chuẩn bị tham gia HKPĐ cấp huyện.- Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp |
| **11/2022** | - Tổ chức các hoạt động chào mừng 20/11: thi viết báo tường- Hoạt động trải nghiệm lớp- Kiểm tra giữa kỳ 1, phân tích chất lượng giữa học kỳ 1- Tổ chức thi GVDG cấp trường. |
| **12/2022** | - Duy trì nền nếp dạy-học, công tác phụ đạo, bồi dưỡng học sinh- Kiểm tra tiến độ thực hiện chương trình giảng dạy bộ mônĐổi mới sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học- Tham gia chuyên đề chuyên môn cấp huyện.- Tổ chức ôn tập HKI- Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp- Tổ chức thi qua mạng |
| **01/2023** | - Tiếp tục triển khai công tác phụ đạo, bồi dưỡng học sinh- Dự thi GVCN giỏi cấp huyện; GVDG cấp tỉnh (theo lịch Sở, Phòng) - Tổ chức kiểm tra và chấm bài kiểm tra cuối kỳ 1, đánh giá, phân tích chất lượng học sinh cuối kỳ 1- Kết thúc học kỳ 1: 07/01/2023; nghỉ cuối học kỳ 1: 07/1-09/11- Hoàn thành điểm SMAS, sơ kết công tác chuyên môn học kì I- Hoàn thành CSDL trên hệ thống- Phân công chuyên môn, TKB học kì II-  Bắt đầu học kỳ 2: 09/01/2023. |
| **02/2023** | - Tiếp tục công tác phụ đạo, bồi dưỡng học sinh giỏi- Các tổ chuyên môn triển khai các chuyên đề dạy học- Tổ chức các cuộc thi qua mạng- Thu thập các loại hồ sơ thi đua  |
| **3/2023** | - Kiểm tra giữa kì II- Tổ chức trải nghiệm: Thi đố vui để học và các hoạt động TDTT khác mừng ngày sinh nhật Đoàn 26/3- Tiếp tục bồi dưỡng học sinh giỏi các khối lớp 8, 9 thi học sinh giỏi cấp tỉnh (nếu có)- Kiểm tra toàn diện GV- KiỂm tra giữa kỳ II: 14/3-18/3/2023- Các tổ chuyên môn triển khai các chuyên đề dạy học, thực hiện giáo dục STEM |
| **4/2023** | - Rà soát việc thực hiện chương trình đảm bảo đúng tiến độ- Tiếp tục kiểm tra toàn diện GV- Tổ chức hoạt động trải nghiệm: Tổ chức ngày hội đọc sách, Tổ chức cuộc thi tìm hiểu chiến thắng 30/4- Tiếp tục phụ đạo học sinh yếu, kém theo lịch- Phối hợp TT GDTX thi nghề khối 8- Hoàn thành hồ sơ thi đua THTT, THAT- Tổ chức ôn tập học kỳ 2 |
| **5/2023** | - Tổ chức ôn tập và Kiểm tra cuối kì II từ 11/5-17/5/2023- Hoàn thành đánh giá xếp loại học sinh và vào sổ điểm, học bạ kịp thời- Tổng kết công tác chuyên môn năm học, hoàn thành các báo cáo và biểu mẫu trên CSDL, SMAS- Kiểm tra hồ sơ, giáo án giáo viên và các tổ chuyên môn.- Xét công nhận tốt nghiệp THCS: 25/5/2023- Ngày tổng kết năm học: 30/5/2023.- Bàn giao học sinh về sinh hoạt hè ở địa phương.- Phối hợp Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp- Giáo dục thường xuyên tổ chức tư vấn hướng nghiệp và phân luồng học sinh THCS.- Lập kế hoạch thi lại |

  **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Trách nhiệm các thành viên.**

**1.1. Đối với Hiệu trưởng.**

- Ban hành quyết định thành lập các tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh Tổ trưởng, Tổ phó chuyên môn.

- Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong năm học: GVCN, công tác giảng dạy, công tác kiêm nhiệm…

- Xây dựng dự thảo kế hoạch, tổ chức lấy ý kiến các thành viên trong nhà trường để hoàn thiện kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch dạy học, kế hoạch giáo dục trong nhà trường, kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch.

- Liên hệ với các cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan để tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh.

- Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện công tác kiểm tra nội bộ.

- Tổ chức các hoạt động, hội thi, hội giảng trong năm.

- Xây dựng tiêu chi thi đua trong nhà trường.

**1.2. Đối với Phó hiệu trưởng.**

- Quản lý chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, thư viện, thiết bị, quản lý các phần mềm liên quan đến các hoạt động giáo dục.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt đồng ngoài giờ lên lớp; xây dựng kế hoạch và chỉ đạo triển khai thực hiện công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém và các hoạt động khác có liên quan đến công tác giáo dục học sinh.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường trung học.

- Tổ chức kiểm tra các hoạt động có liên quan đến chuyên môn.

**1.3. Tổ trưởng chuyên môn**

- Chủ trì xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn.

- Tổ chức cho các nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục bộ môn, duyệt và trình Hiệu trưởng phê duyệt.

- Chủ trì xây dựng kế hoạch dạy học tích hợp liên môn, kế hoạch dạy học trải nghiệm.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn 2 lần/tháng. Chú trọng đổi mới phướng pháp, hình thức dạy học; đổi mới kiểm tra đánh giá. Tập trung vào việc tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học.

**1.4. Đối với Tổng phụ trách Đội**

- Tham mưu Ban giám hiệu xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nhiệm, hướng nghiệp cho học sinh.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

- Xây dựng kế hoạch chào cờ đầu tuần, tham mưu hiệu trưởng về việc phân công các thành viên chuẩn bị nội dung chào cờ.

- Tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp quy mô toàn trường.

- Quản lý nề nếp, quản lý đội cờ đỏ nhà trường.

- Phụ trách công tác thi đua học sinh, xây dựng tiêu chí thi đua học sinh

**1.5. Đối với nhân viên thư viện, nhân viên thiết bị**

- Tham mưu hiệu trưởng về kế hoạch trang bị sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, thiết bị dạy học phục vụ việc giảng dạy theo CT GDPT.

- Xây dựng kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị.

- Tổ chức giớ thiệu sách, thiết bị. Khuyến khích học sinh thường xuyên đọc sách, giáo viên thường xuyên sử dụng có hiệu quả thiết bị và đồ dùng dạy học.

- Tham mưu tổ chức ngày hội đọc sách, hội thi kể chuyện theo sách; tham mưu hội thi làm đồ dùng dạy học.

**1.6. Đối với giáo viên**

- Nghiên cứ kỹ, nắm bắt CT GDPT 2018 (đối với khối lớp 6,7), chương trình giáo dục hiện hành (đối với khối 8, 9) và xây dựng kế hoạch giáo dục bộ môn.

- Xây dựng kế hoạch bài dạy phù hợp với phẩm chất, năng lực của học sinh.

- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm theo môn học (Giáo viên phải xây dựng kế hoạch ngay từ đầu năm học)

- Phối hợp với nhà trường, liên đội tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm trong và ngoài nhà trường.

**Bảng phân công giảng dạy lớp 6, lớp 7**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Họ và tên | Chức vụ | Chuyên môn chính | Phân công dạy lớp 6, 7 |
| 1 | Ngô Văn Hùng | GV | Toán | Toán 7 |
| 2 | Trần Văn Sử | TTCM | Toán | Toán 6 |
| 3 | Bùi Duy Khánh | GV | TDTT | GDTC 7 |
| 4 | Phan Minh Phượng | GV | Sử | LSĐL (Sử) 6 |
| 5 | Danh Thị Chí Linh | GV | Địa | LSĐL(Địa) 6,7, GDĐP 6 |
| 6 | Lâm Văn Khứng | GV | Văn-GDCD | GDCD 6,7 |
| 7 | Lê Minh Hiểu | GV | Hóa | KHTN 6 |
| 8 | Nguyễn Văn Chung | GV | Sinh | KHTN 7 |
| 9 | Nguyễn Văn Kết | GV | KTNN | Công nghệ |
| 10 | Trương Văn Khánh | GV | Tin | Tin – HĐTNHN 7 |
| 11 | Trịnh Văn Thống | GV | Sử | Nghệ thuật (Mỹ thuật 6,7) |
| 12 | Võ Đô La | GV | Sử | LS&ĐL 7, Nghệ thuật 6,7 (Âm nhạc) |
| 13 | Nguyễn Thị Mộng Thùy | GV | Tiếng Anh | Tiếng Anh 6,7- HĐTNHN |
| 13 | Nguyễn Thị Bích Ngân | GV | Tiếng Anh | Tiếng Anh 7 |
| 14 | Nguyễn Hữu Thức | GV | Văn | Văn 6 |
| 15 | Nguyễn Ngọc Khởi | GV | TDTT | GDTC 6 |
| 16 | Nguyễn Văn Trường | GV | Địa | GDĐP 7 |

Ghi chú: Các tiết hoạt động trải nghiệm; Giáo dục địa phương có phân công giáo viên khác để phù hợp chuyên môn.

**2. Công tác phối hợp với các bên liên quan**

- Nhà trường chủ động tham mưu chính quyền địa phương tạo mọi điều kiện tốt nhất để các hoạt động giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả cao nhất.

- Phối hợp với ban đại diện cha mẹ học sinh, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn, các tổ chức đoàn thể để tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh.

**3. Công tác kiểm tra, giám sát.**

- Việc giám sát đánh giá và điều chỉnh kế hoạch dạy học, giáo dục được thực hiện thường xuyên trong suốt năm học kết hợp với hoạt động tự đánh giá trong quản lý chất lượng Trường THCS.

- Hiệu trưởng thực hiện hoạt động giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục thương xuyên hàng ngày, hàng tuần thông qua kiểm tra sổ đầu bài, dự giờ thăm lớp, hồ sơ chuyên môn của giáo viên, qua học sinh, cha mẹ học sinh…

- Làm tốt công tác kiểm tra nội bộ, các thành viên trong ban kiểm tra nội bộ cần làm tốt nhiêm vụ.

- Mỗi giáo viên cần có thói quen tự kiểm tra việc thực hiện kế hoạch của mình để có điều chỉnh và phản ánh kịp thời với tổ chuyên môn, ban giám hiệu.

**4. Chế đổ thông tin báo cáo**

- Tổ trưởng chuyên môn định kỳ báo cáo Phó hiệu trưởng về tình hình của tổ, có các ý kiến tham mưu đề xuất kịp thời về các công việc có liên quan đến thực hiện đổi mới hoạt động dạy học trong nhà trường.

- Định kỳ báo cáo theo tuần, tháng, học kỳ để Phó hiệu trưởng tổng hợp báo cáo cấp trên kịp thời.

Trên đây là kế hoạch giáo dục của trường TH&THCS Vĩnh Bình Bắc năm học 2022-2023. Lãnh đạo nhà trường yêu cầu cán bộ, giáo viên, nhân viên cụ thể hóa bằng kế hoạch cá nhân và nghiêm túc thực hiện kế hoạch này.

***Nơi nhận:* HIỆU TRƯỞNG**

- Phòng GD&ĐT (B/c);

- UBND xã (B/c);

- CB, GV, NV nhà trường (thực hiện);

- Lưu: VT.

**Đỗ Quốc Bình**

**DUYỆT CỦA LÃNH ĐẠO PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**